

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

MÔN NGỮ VĂN

A - CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

I - Mục tiêu

Môn Ngữ văn ở Trung học phổ thông nhằm giúp học sinh :

1. Có những kiến thức phổ thông, cơ bản, hiện đại, hệ thống về văn học và tiếng Việt, bao gồm : kiến thức về những tác phẩm tiêu biểu cho các thể loại cơ bản của văn học Việt Nam và một số tác phẩm, đoạn trích của văn học nước ngoài ; những hiểu biết về lịch sử văn học và một số kiến thức lí luận văn học cần thiết ; những kiến thức khái quát về giao tiếp, lịch sử tiếng Việt và các phong cách ngôn ngữ ; những kiến thức về các kiểu văn bản, đặc biệt là văn bản nghị luận (đặc điểm, cách tiếp nhận và tạo lập).

2. Hình thành và phát triển các năng lực ngữ văn với yêu cầu cao hơn cấp Trung học cơ sở, bao gồm : năng lực sử dụng tiếng Việt thể hiện ở bốn kĩ năng cơ bản (đọc, viết, nghe, nói), năng lực tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mĩ ; năng lực tự học và năng lực thực hành, ứng dụng.

3. Có tình yêu tiếng Việt, văn học, văn hoá ; tình yêu gia đình, thiên nhiên, đất nước ; lòng tự hào dân tộc ; ý chí tự lập, tự cường ; lí tưởng xã hội chủ nghĩa ; tinh thần dân chủ, nhân văn ; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, tinh thần hữu nghị và hợp tác quốc tế ; ý thức tôn trọng, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc và nhân loại.

II - Nội dung

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
10	3	35	105
11	3,5	35	122,5
12	3	35	105
Cộng (toàn cấp)		105	332,5

2. Nội dung dạy học từng lớp

Lớp 10

$$3 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 105 \text{ tiết}$$

1. Tiếng Việt

1.1. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ

- Ngôn ngữ dạng nói và dạng viết.

- Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

1.2. Hoạt động giao tiếp

Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

1.3. Một số kiến thức khác

- Khái quát về lịch sử tiếng Việt.
- Yêu cầu về sử dụng tiếng Việt.
- Một số yếu tố Hán Việt thường dùng để cấu tạo từ.

1.4. Cũng cố, hoàn thiện một số kiến thức, kỹ năng đã học ở Trung học cơ sở

Từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, các biện pháp tu từ.

2. Làm văn

2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản

Hệ thống hoá kiến thức chung về văn bản đã học ở Trung học cơ sở.

2.2. Các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

- Hệ thống hoá các kiểu văn bản đã học ở Trung học cơ sở :
 - + Văn bản tự sự có yếu tố miêu tả, biểu cảm ; cách tóm tắt văn bản tự sự theo nhân vật chính.
 - + Văn bản thuyết minh ; cách tóm tắt văn bản thuyết minh.
 - + Văn bản nghị luận : luận điểm, luận cứ, lập luận ; cách làm bài văn nghị luận.
- Luyện nói, luyện viết đoạn văn, bài văn tự sự, thuyết minh, nghị luận.
- + Một số kiểu văn bản khác : kế hoạch cá nhân ; quảng cáo.

3. Văn học

3.1. Văn bản văn học

- Văn học dân gian Việt Nam

+ Sử thi : *Đăm Săn* (trích đoạn *Chiến thắng Mtao Mxây*).

+ Truyền thuyết : *An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy*.

+ Truyện cổ tích : *Tám Cám*.

+ Truyện cười : *Nhưng nó phải bằng hai mày ; Tam đại con gà*.

+ Đọc thêm truyện thơ : *Tiến dặn người yêu* (trích đoạn *Lời tiễn dặn*).

+ Ca dao : một số bài ca dao yêu thương tình nghĩa, ca dao than thân, ca dao châm biếm, hài hước.

- Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

+ Thơ : *Thuật hoài* - Phạm Ngũ Lão ; *Bảo kính cảnh giới*, số 43 - Nguyễn Trãi ; *Nhàn* - Nguyễn Bỉnh Khiêm ;
Độc *"Tiểu Thanh kí"* - Nguyễn Du.

Đọc thêm : *Quốc tộ* - Đỗ Pháp Thuận ; *Cáo tật thị chúng* - Mãn Giác ; *Quy hứng* - Nguyễn Trung Ngạn.

+ Phú : *Bạch Đằng giang phú* - Trương Hán Siêu.

+ Ngâm khúc : *Chinh phụ ngâm khúc* (trích đoạn *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*).

+ Nghị luận : *Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi ; *"Trích diễm thi tập"* tự - Hoàng Đức Lương.

Đọc thêm : *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* - Thân Nhân Trung.

+ Sử kí : *Đại Việt sử kí toàn thư* (trích đoạn *Hung Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn*) - Ngô Sĩ Liên.

Đọc thêm : *Đại Việt sử kí toàn thư* (trích đoạn *Thái sư Trần Thủ Độ*) - Ngô Sĩ Liên.

+ Truyện : *Truyện kì mạn lục* (trích : *Tản Viên phán sự lục*) - Nguyễn Dữ.

+ Truyện thơ Nôm : *Truyện Kiều* (trích đoạn *Trao duyên, Nỗi thương mình, Chí khí anh hùng*) - Nguyễn Du.

- Đọc thêm : *Truyện Kiều* (trích đoạn *Thề nguyện*) - Nguyễn Du.

- Văn học nước ngoài

+ Sử thi *Ô-đi-xê* (trích đoạn *Uy-lít-xơ trở về*) - Hô-me-rơ ; *Ra-ma-ya-na* (trích đoạn *Ra-ma buộc tội*) - Van-mi-ki.

+ Tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc : *Tam quốc diễn nghĩa* (trích đoạn *Hồi trống Cổ Thành*) - La Quán Trung.

Đọc thêm : *Tam quốc diễn nghĩa* (trích đoạn *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng*) - La Quán Trung.

+ Thơ Đường và thơ hai-cư : *Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* - Lí Bạch ; *Thu hứng* - Đỗ Phủ.

Đọc thêm : thơ Đường : *Hoàng Hạc lâu* - Thôi Hiệu ; *Khuê oán* - Vương Xương Linh ; *Điều minh gián* - Vương Duy ; thơ hai-cư : trích thơ M.Ba-sô, Y.Bu-son (Nhật Bản).

3.2. Lịch sử văn học

- *Quá trình văn học*

Khái quát về văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử ; văn học dân gian Việt Nam ; văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX.

- *Tác giả văn học* (không có bài học riêng)

Sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp của các tác giả có tác phẩm được học trong chương trình, chú trọng các tác giả Nguyễn Trãi, Nguyễn Du.

3.3. Lí luận văn học

- *Văn bản văn học*

Văn bản văn học, ngôn từ, hình tượng, ý nghĩa.

- *Thể loại* (không có bài học riêng)

Sơ lược về một số thể loại văn học dân gian và văn học trung đại (Việt Nam và nước ngoài) được học trong chương trình.

- *Một số khái niệm lí luận văn học khác* (không có bài học riêng)

Nhân vật trữ tình, cốt truyện, kết cấu.

Lớp 11

$$3,5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 122,5 \text{ tiết}$$

1. Tiếng Việt

1.1. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ

- Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- Phong cách ngôn ngữ báo chí.

1.2. Hoạt động giao tiếp

Ngữ cảnh.

1.3. Một số kiến thức khác

- Nghĩa của câu.
- Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân.
- Đặc điểm loại hình tiếng Việt.
- Một số yếu tố Hán Việt thường dùng để cấu tạo từ.

1.4. Cũng cố, hoàn thiện một số kiến thức, kỹ năng đã học ở Trung học cơ sở

Từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, các biện pháp tu từ.

2. Làm văn

2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản

Hệ thống hoá kiến thức về liên kết trong văn bản, đoạn văn đã học ở Trung học cơ sở.

2.2. Các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

- Văn bản nghị luận : tóm tắt văn bản nghị luận ; các thao tác lập luận : so sánh, phân tích, bác bỏ, bình luận ; kết hợp các thao tác lập luận trong văn nghị luận ; viết đoạn văn, bài văn nghị luận kết hợp các thao tác.
- Một số kiểu văn bản khác : phỏng vấn, bản tin, bản tóm tắt tiểu sử.

3. Văn học

3.1. Văn bản văn học

- Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX (tiếp theo)

+ Kí : *Thượng kinh kí sự* (trích đoạn *Vào Trịnh phủ*) - Lê Hữu Trác.

+ Truyện thơ Nôm : *Truyện Lục Vân Tiên* (trích đoạn *Lễ ghét thương*) - Nguyễn Đình Chiểu.

+ Thơ : *Tự tình* - Hồ Xuân Hương ; *Sa hành đoản ca* - Cao Bá Quát ; *Thu điếu* - Nguyễn Khuyến ; *Thương vợ* - Trần Tế Xương.

Đọc thêm : *Chạy Tây* - Nguyễn Đình Chiểu ; *Khóc Dương Khuê* - Nguyễn Khuyến ; *Vịnh khoa thi Hương* - Trần Tế Xương.

+ Văn tế : *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu.

+ Hát nói : *Bài ca ngát ngưỡng* - Nguyễn Công Trứ.

Đọc thêm : *Hương Sơn phong cảnh ca* - Chu Mạnh Trinh.

+ Nghị luận : *Cầu hiền chiếu* - Ngô Thì Nhậm.

Đọc thêm : *Tế cấp bát điều* (trích đoạn *Xin lập khoa luật*) - Nguyễn Trường Tộ.

- Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

+ Truyện : *Hai đứa trẻ* - Thạch Lam ; *Chữ người tử tù* - Nguyễn Tuân ; *Chí Phèo* - Nam Cao ; *Số đỏ* (trích đoạn *Hạnh phúc của một tang gia*) - Vũ Trọng Phụng.

Đọc thêm : *Cha con nghĩa nặng* - Hồ Biểu Chánh ; *"Vi hành"* - Nguyễn □i Quốc ; *Tinh thần thể dục* - Nguyễn Công Hoan.

+ Thơ : *Xuất dương lưu biệt* - Phan Bội Châu ; *Hầu Trời* - Tản Đà ; *Mộ* - Hồ Chí Minh ; *Từ ấy* - Tố Hữu ; *Đây thôn Vĩ Dạ* - Hàn Mặc Tử ; *Vội vàng* - Xuân Diệu ; *Tràng giang* - Huy Cận.

Đọc thêm : *Lai Tân* - Hồ Chí Minh ; *Nhớ đồng* - Tố Hữu ; *Tương tư* - Nguyễn Bính ; *Chiều xuân* - Anh Thơ.

+ Kịch : *Vũ Như Tô* (trích đoạn *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*) - Nguyễn Huy Tưởng.

+ Nghị luận : *Bàn về đạo đức Đông Tây* - Phan Châu Trinh ; *Một thời đại trong thi ca* - Hoài Thanh và Hoài Chân.

Đọc thêm : *Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức* - Nguyễn An Ninh.

- *Văn học nước ngoài*

+ Truyện : *Những người khốn khổ* (trích đoạn *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*) - V. Huy-gô ; *Người trong bao* - A. Sê-khốp.

+ Thơ : *Tôi yêu em* - A. Pu-skin.

Đọc thêm : *Bài thơ số 28* - R. Ta-go.

+ Kịch : *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (trích đoạn *Tình yêu và thù hận*) - U. Sếch-xpia.

+ Nghị luận : *Bài phát biểu đọc trước mộ Các Mác* - Ph. Ăng-ghen.

3.2. Lịch sử văn học

- *Quá trình văn học*

Khái quát về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

- *Tác giả văn học* (không có bài học riêng)

Sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp của các tác giả có tác phẩm được học trong chương trình, chú trọng các tác giả Nguyễn Đình Chiểu, Nam Cao.

3.3. Lí luận văn học

- *Thể loại*

+ Sơ lược về các thể loại tiêu biểu của văn học Việt Nam (từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX, từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945) và văn học nước ngoài được học trong chương trình (không có bài học riêng).

+ Loại thể : tự sự, trữ tình, kịch, nghị luận.

- *Một số khái niệm lí luận văn học khác* (không có bài học riêng)

Sơ lược về trào lưu, khuynh hướng, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn.

Lớp 12

3 tiết/tuần × 35 tuần = 105 tiết

1. Tiếng Việt

1.1. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ

- Phong cách ngôn ngữ hành chính.
- Phong cách ngôn ngữ khoa học.

1.2. Hoạt động giao tiếp

Nhân vật giao tiếp.

1.3. Một số kiến thức khác

- Thi luật.
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

1.4. Củng cố, hoàn thiện một số kiến thức, kỹ năng đã học ở Trung học cơ sở

Từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, các biện pháp tu từ.

2. Làm văn

Các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

- Văn bản nghị luận : vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận, nghị luận xã hội, nghị luận văn học.
- Một số kiểu văn bản khác : phát biểu theo chủ đề, phát biểu tự do ; đề cương diễn thuyết, văn bản tổng kết.

3. Văn học

3.1. Văn bản văn học

- Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX

+ Truyện : *Vợ nhặt* - Kim Lân ; *Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài ; *Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành ; *Những đứa con trong gia đình* - Nguyễn Thi ; *Chiếc thuyền ngoài xa* - Nguyễn Minh Châu.

Đọc thêm : *Một người Hà Nội* - Nguyễn Khải ; *Mùa lá rụng trong vườn* (trích đoạn *Tết sum họp*) - Ma Văn Kháng ; *Hương rừng Cà Mau* (trích đoạn *Bắt sấu rừng U Minh hạ*) - Sơn Nam.

+ Kí : *Người lái đò Sông Đà* - Nguyễn Tuân ; *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* - Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Đọc thêm : *Những năm tháng không thể nào quên* - Võ Nguyên Giáp.

+ Thơ : *Tây Tiến* - Quang Dũng ; *Việt Bắc* - Tố Hữu ; *Mặt đường khát vọng* (trích đoạn *Đất Nước*) - Nguyễn Khoa Điềm ; *Sóng* - Xuân Quỳnh ; *Đàn ghi ta của Lorca* - Thanh Thảo.

Đọc thêm : *Đất nước* - Nguyễn Đình Thi ; *Tiếng hát con tàu* - Chế Lan Viên ; *Bác ơi !* - Tố Hữu ; *Dọn về làng* - Nông Quốc Chấn ; *Đò Lèn* - Nguyễn Duy.

+ Kịch : *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích đoạn *Cuộc đối thoại giữa hồn và xác*) - Lưu Quang Vũ.

+ Nghị luận : *Tuyên ngôn Độc lập* - Hồ Chí Minh ; *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc* - Phạm Văn Đồng.

Đọc thêm : *Bàn về thơ* - Nguyễn Đình Thi.

- *Văn học nước ngoài*

+ Truyện : *Số phận con người* - M. Sô-lô-khốp ; *Thuốc* - Lỗ Tấn ; *Ông già và biển cả* (trích đoạn *Đương đầu với đàn cá dữ*) - E. Hê-ming-uê.

+ Đọc thêm thơ : *Tự do* - P. Ê-luy-a.

+ Đọc thêm nghị luận : *Đốt-xtôi-ép-xki* - *Tiếng sấm của sự nổi dậy trên vang* - S. Xvai-gơ.

3.2. Văn bản nhật dụng

Một số văn bản nhật dụng về những vấn đề cấp thiết đang đặt ra trong cuộc sống hiện tại như : đổi mới tư duy, công nghệ thông tin,...

3.3. Lịch sử văn học

- *Quá trình văn học*

Khái quát về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

- *Tác giả văn học* (không có bài học riêng)

Sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp của các tác giả có tác phẩm được học trong chương trình, chú trọng các tác giả Nguyễn □i Quốc - Hồ Chí Minh, Tố Hữu.

3.4. Lí luận văn học

- *Thể loại* (không có bài học riêng)

Sơ lược về các thể loại tiêu biểu của văn học Việt Nam (từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX) và văn học nước ngoài được học trong chương trình.

- *Một số khái niệm lí luận văn học khác*

Quá trình văn học, phong cách văn học, giá trị văn học, tiếp nhận văn học.

4. Ôn tập cuối cấp

4.1. Kiến thức

4.1.1. Tiếng Việt và Làm văn

- Hệ thống hoá kiến thức về phong cách chức năng ngôn ngữ và giao tiếp.

- Hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản, các bước hoàn thiện văn bản nghị luận.

4.1.2. Văn học

- Hệ thống hoá kiến thức về nội dung và nghệ thuật biểu đạt của các văn bản đã học (chủ yếu ở lớp 12).

- Hệ thống hoá các vấn đề lịch sử văn học (các giai đoạn, các tác giả tiêu biểu) và lí luận văn học.

4.2. Kỹ năng

- Củng cố kỹ năng viết đoạn văn, bài văn nghị luận xã hội và văn học có sự vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.

- Củng cố kỹ năng phát biểu, thuyết trình một vấn đề trước tập thể.

III – CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

LỚP 10

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Tiếng Việt 1.1. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ - Ngôn ngữ dạng nói và dạng viết	- Hiểu đặc điểm của ngôn ngữ dạng nói và ngôn ngữ dạng viết. - Biết vận dụng hiểu biết về ngôn ngữ dạng nói và dạng viết vào việc tạo lập và lĩnh hội văn bản.	Nêu được các đặc điểm, lấy được ví dụ minh họa.
- Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt	- Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. - Biết vận dụng hiểu biết về phong cách ngôn ngữ sinh hoạt vào việc tạo lập và lĩnh hội văn bản.	Biết sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội, từ ngữ nghề nghiệp, câu rút gọn phù hợp với các tình huống giao tiếp cụ thể.
- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật	- Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật ; biết phân biệt phong cách ngôn ngữ nghệ thuật với phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. - Biết vận dụng những hiểu biết trên vào việc đọc - hiểu và tạo lập các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.	Viết được một số văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm có yếu tố nghệ thuật.
1.2. Hoạt động giao tiếp	- Hoàn thiện hiểu biết về hoạt động giao tiếp. - Nhận thức được sự phổ biến và đa dạng của hoạt động giao tiếp trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bằng nhiều kênh khác nhau : âm thanh, chữ viết, hình ảnh,... - Biết vận dụng kiến thức về giao tiếp bằng ngôn ngữ trong đọc - hiểu	Hiểu đặc điểm của giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	và tạo lập văn bản.	
1.3. Một số kiến thức khác - Lịch sử tiếng Việt	- Hiểu được một cách khái quát nguồn gốc, quan hệ họ hàng và quá trình phát triển của tiếng Việt. - Biết vận dụng kiến thức về lịch sử tiếng Việt vào việc tìm hiểu tiến trình lịch sử văn học Việt Nam với thành tựu văn học chữ Nôm và chữ quốc ngữ.	
- Yêu cầu về sử dụng tiếng Việt	- Hiểu được các yêu cầu về sử dụng tiếng Việt. - Biết vận dụng những hiểu biết trên vào việc nói, viết và đọc - hiểu các văn bản.	Nắm được những yêu cầu chung về ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp, phong cách.
- Từ Hán Việt	Hiểu một số yếu tố Hán Việt thường dùng để cấu tạo từ.	Hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt có trong các văn bản học ở lớp 10.
1.4. Cũng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng đã học	Hoàn thiện những kiến thức và kĩ năng đã học ở Trung học cơ sở về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, các biện pháp tu từ.	Củng cố kiến thức và kĩ năng thông qua thực hành, luyện tập.
2. Làm văn 2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản	- Hoàn thiện kiến thức về văn bản và đặc điểm của văn bản ; hiểu những điều kiện tạo lập văn bản và liên kết trong văn bản. - Vận dụng được những kiến thức về văn bản vào quá trình đọc - hiểu văn bản. - Nắm được một số điều kiện để tìm ý, triển khai ý : quan sát, liên tưởng, tưởng tượng ; chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu,...	Phân tích được những đặc điểm của văn bản qua các ví dụ cụ thể.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2.2. Các kiểu văn bản - Văn bản tự sự</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện kiến thức về văn bản tự sự ; hiểu ý nghĩa và biết cách đưa yếu tố miêu tả, biểu cảm vào văn bản tự sự. - Biết tóm tắt văn bản tự sự ; biết trình bày miệng văn bản tóm tắt trước tập thể. - Biết vận dụng kiến thức về văn tự sự để đọc - hiểu văn bản tự sự. - Biết viết bài văn tự sự theo cốt truyện đã có hoặc tự mình xây dựng kết hợp với miêu tả, biểu cảm ; biết điều chỉnh dung lượng của bài văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra các đặc điểm của văn tự sự qua các văn bản đọc - hiểu trong chương trình lớp 10. - Biết tóm tắt các văn bản tự sự (truyện dân gian, truyện trung đại) theo nhân vật chính. - Biết sử dụng chất liệu trong những văn bản văn học để làm bài văn tự sự.
<p>- Văn bản thuyết minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện kiến thức về văn bản thuyết minh (đặc điểm, yêu cầu và phương pháp thuyết minh, các hình thức kết cấu của văn bản thuyết minh). - Biết cách tóm tắt văn bản thuyết minh ; biết trình bày miệng một văn bản thuyết minh trước tập thể. - Biết viết đoạn văn, bài văn thuyết minh có sự kết hợp các phương thức biểu đạt ; biết điều chỉnh dung lượng của bài văn. 	<p>Biết viết bài thuyết minh về một tác phẩm, tác giả, một thể loại văn học đã học ở lớp 10.</p>
<p>- Văn bản nghị luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện những hiểu biết về văn bản nghị luận (đặc điểm, vai trò của luận điểm, yêu cầu của đề văn và ngôn ngữ của bài văn nghị luận,...). - Hiểu cách thức triển khai các thao tác lập luận : giải thích, chứng minh,... - Biết vận dụng kiến thức về văn nghị luận để đọc - hiểu văn bản nghị luận. 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết viết đoạn văn, bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội hoặc văn học ; biết điều chỉnh dung lượng của bài văn. - Biết trình bày miệng một vấn đề trước tập thể. 	<p>Biết viết đoạn văn, bài văn theo các thao tác giải thích, chứng minh,... ; biết huy động các kiến thức về tác phẩm văn học được học ở lớp 10 để viết bài.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Một số kiểu văn bản khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu mục đích, nội dung, đặc điểm, yêu cầu và cách thức xây dựng kế hoạch cá nhân ; hiểu tầm quan trọng của ý thức và thói quen lập kế hoạch làm việc. - Hiểu mục đích, đặc điểm, nội dung, yêu cầu và cách tạo lập văn bản quảng cáo ; hiểu tầm quan trọng của tính ấn tượng và tính trung thực trong quảng cáo. - Biết xây dựng kế hoạch học tập, sinh hoạt của cá nhân ; biết viết các văn bản quảng cáo thông thường. 	
<p>3. Văn học 3.1. Văn bản văn học <ul style="list-style-type: none"> - <i>Sử thi Việt Nam và nước ngoài</i> </p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các trích đoạn sử thi Việt Nam và nước ngoài (<i>Đăm Săn ; Ô-đi-xê - Hô-me-rơ ; Ra-ma-ya-na - Van-mi-ki</i>) : phản ánh một nét diện mạo tinh thần của thời kì cổ đại, ca ngợi kì tích và phẩm chất của các nhân vật anh hùng, sử dụng ngôn ngữ anh hùng ca. - Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của thể loại sử thi. - Biết cách đọc - hiểu tác phẩm sử thi theo đặc trưng thể loại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được cốt truyện, phát hiện được các chi tiết nghệ thuật, nhận xét được những đặc điểm nội dung của các trích đoạn sử thi. - Nhận biết một số nét cơ bản về đề tài, hình tượng, ngôn ngữ sử thi. - Nhận biết được tác phẩm sử thi theo đặc điểm thể loại.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
- <i>Truyện thuyết Việt Nam</i>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện <i>An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy</i> : một truyền thuyết về lịch sử dân tộc qua lăng kính tưởng tượng, thái độ và cách đánh giá của nhân dân về các nhân vật lịch sử ; bài học giữ nước ; mối quan hệ giữa sự thật lịch sử và hư cấu.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm cơ bản của thể loại truyền thuyết.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tác phẩm truyền thuyết theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Nhớ được cốt truyện, phát hiện được các chi tiết nghệ thuật, nhận ra ý nghĩa và bài học lịch sử của tác phẩm.</p> <p>- Phân biệt được truyền thuyết và sử thi.</p> <p>- Nhận biết được truyền thuyết theo đặc điểm thể loại.</p>
- <i>Truyện cổ tích Việt Nam</i>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện <i>Tám Cám</i> : xung đột thiện - ác, ước mơ công bằng xã hội, vai trò của yếu tố hoang đường kì ảo và lối kết thúc có hậu.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm cơ bản của truyện cổ tích.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tác phẩm truyện cổ tích theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Nhớ được những biên cố, kiểu nhân vật, mô típ thường gặp của truyện cổ tích qua truyện <i>Tám Cám</i>.</p> <p>- Trình bày được cách phân loại và nội dung chính của truyện cổ tích.</p> <p>- Nhận biết được tác phẩm cổ tích theo đặc điểm thể loại.</p>
- <i>Truyện cười Việt Nam</i>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các truyện cười <i>Nhưng nó phải bằng hai mày</i> ; <i>Tam đại con gà</i> : ý nghĩa châm biếm sâu sắc và những bài học thiết thực ; nghệ thuật phóng đại và tạo tình huống gây cười.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm cơ bản của thể loại truyện cười.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tác phẩm truyện cười theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Hiểu đối tượng, ý nghĩa của tiếng cười, nghệ thuật gây cười trong các truyện được học.</p> <p>- Trình bày được cách phân loại, nội dung và nghệ thuật chính của truyện cười.</p> <p>- Nhận biết được tác phẩm truyện cười theo đặc điểm thể loại.</p>
- <i>Truyện thơ dân gian</i>	<p>Nhận biết đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện thơ dân gian <i>Tiến dặn người yêu</i> qua một đoạn trích tiêu biểu.</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- <i>Ca dao Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số bài ca dao trữ tình và ca dao châm biếm, hài hước : đời sống tình cảm đa dạng, phong phú của nhân dân lao động ; cách thể hiện vừa hài hước, châm biếm vừa tinh tế, sâu sắc.</p> <p>- Hiểu tính chất trữ tình và khả năng biểu đạt của thể thơ lục bát trong ca dao.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu ca dao theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Hiểu nội dung phản ánh, tình cảm cảm xúc, ý nghĩa, phát hiện được các chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của các bài ca dao được học.</p> <p>- Biết tìm hiểu một bài ca dao qua các phương diện : đề tài, chủ đề, nhân vật trữ tình, hình ảnh, ngôn ngữ,...</p>
<p>- <i>Thơ trung đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm thơ trung đại (<i>Thuật hoài</i> - Phạm Ngũ Lão ; <i>Bảo kính cảnh giới</i>, số 43 - Nguyễn Trãi ; <i>Nhàn</i> - Nguyễn Bỉnh Khiêm ; <i>Độc "Tiểu Thanh kí"</i> - Nguyễn Du ; các bài đọc thêm : <i>Quốc tộ</i> - Đỗ Pháp Thuận ; <i>Cáo tật thị chúng</i> - Mãn Giác ; <i>Quy hứng</i> - Nguyễn Trung Ngạn) : lí tưởng và nhân sinh quan của con người thời trung đại, tâm sự về số phận con người và thời cuộc ; cách sử dụng sáng tạo thể thơ Đường luật và cách thể hiện cảm xúc trữ tình.</p> <p>- Hiểu một vài đặc điểm cơ bản của thơ trữ tình trung đại Việt Nam.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tác phẩm thơ trữ tình trung đại theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Nhận ra được chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của tác phẩm ; nổi lòng, tình cảm của tác giả ; phát hiện được các chi tiết nghệ thuật của mỗi bài thơ.</p> <p>- Hiểu đặc điểm về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt của thơ trung đại.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- <i>Thơ Đường và thơ hai-cư</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ (<i>Hoàng Hạc lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng</i> - Lí Bạch ; <i>Thu hứng</i> - Đỗ Phủ ; các bài đọc thêm <i>Hoàng Hạc lâu</i> - Thôi Hiệu ; <i>Khuê oán</i> - Vương Xương Linh ; <i>Điểu minh giản</i> - Vương Duy) : đề tài, cấu tứ, bút pháp tình cảnh giao hoà, phong thái nhân vật trữ tình, cách luật và vẻ đẹp hàm súc, cổ điển.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường ; biết liên hệ để hiểu một số đặc điểm của thơ Đường luật Việt Nam.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tác phẩm thơ Đường theo đặc trưng thể loại.</p> <p>- Bước đầu nhận biết về đẹp nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ hai-cư của M. Ba-sô và Y. Bu-son (Nhật Bản).</p>	<p>Nhận biết được một bài thơ Đường qua thể thơ, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt.</p>
<p>- <i>Phú Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài <i>Bạch Đằng giang phú</i> - Trương Hán Siêu : tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lối kết cấu và lời văn kết hợp biền ngẫu và thơ.</p> <p>- Nhận biết một vài đặc điểm cơ bản của thể phú.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu một bài phú theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>Nắm được một số nét về sự phân loại và cách thể hiện nội dung của thể phú.</p>
<p>- <i>Ngâm khúc Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một trích đoạn trong <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> : tình cảnh cô đơn và khát vọng hạnh phúc ; bút pháp bày tỏ nỗi lòng, tả cảnh ngụ tình ; sức biểu đạt của thể song thất lục bát.</p> <p>- Nhận biết một vài đặc điểm cơ bản của thể ngâm khúc.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu một văn bản thuộc thể ngâm khúc.</p>	<p>Nắm được một số nét về thể thơ, nhân vật trữ tình, nội dung của thể ngâm khúc.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- <i>Nghị luận trung đại</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm <i>Bình Ngô đại cáo</i> - Nguyễn Trãi : bản tuyên ngôn hoà bình giàu tư tưởng nhân nghĩa ; tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc ; sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố chính luận và trữ tình ; lập luận chặt chẽ, sắc bén ; giọng điệu hào hùng.</p> <p>- Hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của bài "<i>Trích diễm thi tập</i>" tự - Hoàng Đức Lương ; bài đọc thêm <i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia</i></p> <p>- Thân Nhân Trung : đề cao việc bảo tồn văn hoá, trân trọng hiền tài ; lập luận chặt chẽ.</p> <p>- Nhận biết một vài đặc điểm cơ bản của thể <i>cáo, tựa</i>.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tác phẩm nghị luận trung đại theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Nhận ra bố cục, nội dung, ý nghĩa, mạch lập luận, phát hiện các chi tiết nghệ thuật đặc sắc của các văn bản đã học.</p> <p>- Nhận biết vị trí, ý nghĩa của các thể <i>cáo, tựa</i> trong văn học trung đại Việt Nam, về câu văn biền ngẫu trong bài <i>cáo</i>.</p>
<p>- <i>Sử kí trung đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của các trích đoạn trong <i>Đại Việt sử kí toàn thư</i> - Ngô Sĩ Liên : quan điểm đánh giá về tài năng và đức độ của nhân vật lịch sử ; cách lựa chọn chi tiết, sự việc ; cách trần thuật.</p> <p>- Nhận biết một vài đặc điểm của thể loại sử kí trung đại.</p> <p>- Bước đầu biết cách đọc - hiểu một văn bản sử kí trung đại.</p>	<p>Nhận biết lối viết sử : kết hợp giữa biên niên với tự sự, cách kể chuyện kiệm lời, giàu kịch tính.</p>
<p>- <i>Truyện trung đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của <i>Tản Viên phán sự lục</i> - Nguyễn Dữ : ngợi ca người trí thức cương trực ; lối kể chuyện và cách xây dựng nhân vật của truyện truyền kì.</p> <p>- Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của thể loại truyện truyền kì.</p>	<p>Nhận biết nội dung và các mô típ kì ảo thường gặp trong truyện truyền kì.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết cách đọc - hiểu một truyện trung đại Việt Nam.	
- <i>Truyện thơ Nôm</i>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật một số trích đoạn tiêu biểu của tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> - Nguyễn Du : giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc ; nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lí ; những đóng góp vào việc hoàn thiện ngôn ngữ thơ ca dân tộc.</p> <p>- Hiểu một vài đặc điểm cơ bản của truyện thơ Nôm.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu một đoạn trích truyện thơ Nôm theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Nhận ra nội dung tư tưởng, cảm xúc, phát hiện các chi tiết nghệ thuật của mỗi trích đoạn.</p> <p>- Nhận ra hai loại truyện thơ Nôm : bác học và bình dân ; nội dung và nghệ thuật của truyện thơ Nôm bác học.</p>
- <i>Tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc</i>	<p>- Hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của các trích đoạn trong tác phẩm <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> - La Quán Trung : ngợi ca phẩm chất của con người trung nghĩa, khuynh hướng "tôn Lưu biếm Tào" ; mối quan hệ giữa lịch sử và hình tượng nghệ thuật ; cách kể chuyện sinh động, giàu kịch tính, nghệ thuật xây dựng nhân vật.</p> <p>- Nhận biết một vài đặc điểm của tiểu thuyết chương hồi.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu một văn bản tiểu thuyết chương hồi (bản dịch).</p>	<p>Nhận biết một số đặc điểm về cách tổ chức tác phẩm, xây dựng hình tượng nhân vật, lối kể chuyện.</p>
3.2. Lịch sử văn học - <i>Quá trình văn học</i>	<p>- Hiểu được những nét chính về quá trình phát triển và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam.</p> <p>- Hiểu được những nét chính về đặc trưng và giá trị của văn học dân gian Việt Nam.</p> <p>- Hiểu được những nét chính về quá trình phát triển, đặc điểm và thành tựu cơ bản của văn học trung đại Việt Nam.</p> <p>- Biết vận dụng những hiểu biết trên để đọc - hiểu tác phẩm văn học dân gian, văn học trung đại ; để làm bài nghị luận văn học.</p>	<p>Nêu được các đặc điểm và giá trị của các giai đoạn văn học, lấy được các ví dụ để minh họa.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
- Tác giả văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Biết một số nét chính về thời đại, thân thế và sự nghiệp của một số tác giả được học trong chương trình. - Biết những nét cơ bản về thời đại, thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Trãi : cuộc đời hào hùng và bi thương, tư tưởng nhân nghĩa cao cả, sự nghiệp sáng tác phong phú, đa dạng ; chất anh hùng ca và chất trữ tình trong thơ văn ; những đóng góp to lớn vào thể loại thơ Nôm. - Biết một số nét chính về thời đại, thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Du : cuộc đời thăng trầm trong một thời kì lịch sử đầy biến động ; tấm lòng nhân đạo cao cả ; những đóng góp to lớn về hình thức truyện thơ Nôm. - Biết vận dụng những hiểu biết trên để đọc - hiểu tác phẩm và làm bài nghị luận về tác giả văn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những kiến thức về tác giả qua những bài đọc - hiểu văn bản và bài khái quát về giai đoạn văn học. - Trình bày được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi và Nguyễn Du, minh họa được một số giá trị nội dung và nghệ thuật nổi bật qua những tác phẩm đã học, đã đọc.
3.3. Lí luận văn học - Văn bản văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu hiểu được các đặc điểm của văn bản văn học, mối quan hệ giữa ngôn từ, hình tượng, ý nghĩa. - Biết vận dụng kiến thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản văn học. 	
- Thể loại	<ul style="list-style-type: none"> - Biết một số nét chính về đặc điểm của các thể loại văn học dân gian (sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, ca dao), văn học trung đại (thơ, nghị luận, phú, truyện, ngâm khúc), văn học nước ngoài (thơ Đường, tiểu thuyết chương hồi) được học trong chương trình. - Biết vận dụng kiến thức thể loại vào việc đọc - hiểu và tạo lập văn bản. 	Nắm được các đặc điểm thể loại qua các bài đọc - hiểu văn bản.
- Một số khái niệm lí luận văn học khác	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu sơ lược về một số yếu tố của tác phẩm văn học (nhân vật trữ tình, cốt truyện, kết cấu). - Biết vận dụng kiến thức trên vào đọc - hiểu văn bản và viết bài nghị luận văn học. 	Nắm được khái niệm qua các bài khái quát, đọc - hiểu văn bản.

LỚP 11

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>1. Tiếng Việt 1.1. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ - Phong cách ngôn ngữ chính luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ chính luận ; biết phân biệt phong cách ngôn ngữ chính luận với các phong cách ngôn ngữ khác đã học. - Biết cách vận dụng hiểu biết về phong cách ngôn ngữ chính luận để đọc - hiểu và viết các bài văn nghị luận. 	<p>Nêu được các đặc điểm và minh họa được bằng những văn bản chính luận đã học.</p>
<p>- Phong cách ngôn ngữ báo chí</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ báo chí ; biết so sánh, phân biệt phong cách ngôn ngữ báo chí với các phong cách ngôn ngữ khác đã học. - Biết cách phân tích, lĩnh hội các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí. - Biết viết một số văn bản báo chí thông dụng : tin tức, quảng cáo,... 	<p>Nêu được các đặc điểm, lấy được ví dụ minh họa.</p>
<p>1.2. Hoạt động giao tiếp - Ngữ cảnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu về ngữ cảnh trong giao tiếp (nói và viết). - Biết vận dụng hiểu biết về ngữ cảnh vào việc nói, viết và đọc - hiểu văn bản. 	<p>Biết nói, viết phù hợp với ngữ cảnh ; biết phân tích và lĩnh hội văn bản trong ngữ cảnh mà nó được sản sinh ra.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>1.3. Một số kiến thức khác</p> <p>- Nghĩa của câu</p>	<p>- Hiểu các thành phần ngữ nghĩa của câu.</p> <p>- Có khả năng vận dụng hiểu biết về nghĩa của câu vào việc lĩnh hội và tạo lập văn bản.</p>	<p>Biết phân tích các thành phần ngữ nghĩa của câu trong văn bản.</p>
<p>- Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân</p>	<p>- Hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ chung của xã hội với lời nói riêng của cá nhân ; nhận biết được những biểu hiện của cái chung trong ngôn ngữ và nét riêng trong lời nói cá nhân.</p> <p>- Biết tuân thủ quy tắc chung của ngôn ngữ, đồng thời biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo quy tắc trong lời nói cá nhân.</p>	
<p>- Đặc điểm loại hình tiếng Việt</p>	<p>- Hiểu một số đặc điểm loại hình của tiếng Việt với tư cách là một ngôn ngữ tiêu biểu của loại hình ngôn ngữ đơn lập.</p> <p>- Có khả năng vận dụng hiểu biết về đặc điểm loại hình của tiếng Việt để lí giải các hiện tượng trong tiếng Việt và có thể so sánh với một ngôn ngữ khác khi học ngoại ngữ hoặc khi tiếp xúc trong môi trường song ngữ.</p>	
<p>- Từ Hán Việt</p>	<p>Hiểu một số từ và yếu tố Hán Việt thường dùng để cấu tạo từ.</p>	<p>Hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt có trong các văn bản học ở lớp 11.</p>
<p>1.4. Cũng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng đã học</p>	<p>Hoàn thiện những kiến thức và kĩ năng đã học ở Trung học cơ sở về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, các biện pháp tu từ.</p>	<p>Củng cố kiến thức và kĩ năng thông qua thực hành, luyện tập.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2. Làm văn 2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản - Liên kết và lập luận trong văn bản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện những kiến thức về liên kết trong văn bản nghị luận. - Hiểu một số thao tác lập luận : phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận. - Biết vận dụng những hiểu biết trên vào việc đọc - hiểu và tạo lập các văn bản nghị luận. 	<p>Biết sử dụng linh hoạt các hình thức liên kết văn bản trong quá trình nói và viết.</p>
<p>- Đoạn văn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện kiến thức về đoạn văn, các loại đoạn văn, cách viết đoạn văn theo các thao tác lập luận : phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận. - Biết viết các đoạn văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận : phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận,... ; biết phát hiện lỗi về xây dựng đoạn văn ; tự sửa được những lỗi đó theo những cách khác nhau. 	
<p>2.2. Các kiểu văn bản - Văn bản nghị luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được sự cần thiết và cách thức kết hợp các thao tác lập luận (giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận) trong việc viết một văn bản nghị luận. - Biết tóm tắt văn bản nghị luận (có độ dài 3 - 5 trang) ; biết trình bày miệng bài tóm tắt trước tập thể. - Biết tìm ý, lập dàn ý, xây dựng và triển khai luận điểm cho bài nghị luận ; biết viết bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học. 	<p>Biết viết bài nghị luận về một tư tưởng, lối sống, một hiện tượng đời sống, về tác phẩm, tác giả (với độ dài ít nhất 600 chữ trong thời gian 90 phút).</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- Một số kiểu văn bản khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu mục đích, đặc điểm, yêu cầu của phỏng vấn và trả lời phỏng vấn ; biết thực hiện bài phỏng vấn và trả lời phỏng vấn về những vấn đề gần gũi trong cuộc sống. - Hiểu mục đích, nội dung, đặc điểm, yêu cầu và cách thức viết bản tin, bản tóm tắt tiểu sử. - Biết viết một bản tin về một sự việc, hiện tượng trong nhà trường hoặc đời sống xã hội ; biết viết bản tóm tắt tiểu sử của một nhân vật. 	
<p>3. Văn học 3.1. Văn bản văn học - Truyện thơ Nôm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của trích đoạn <i>Lẽ ghét thương</i> trong tác phẩm <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> - Nguyễn Đình Chiểu : thái độ yêu ghét phân minh, lòng thương dân sâu sắc ; bút pháp trữ tình. - Hiểu một số đặc điểm cơ bản của truyện thơ Nôm. <p>- Biết cách đọc - hiểu một đoạn trích truyện thơ Nôm theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>Biết kết hợp với <i>Truyện Kiều</i> để hiểu rõ hơn về các đặc điểm của truyện thơ Nôm bác học.</p>
<p>- Truyện kí trung đại Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của trích đoạn <i>Vào Trịnh phủ</i> trong <i>Thuợng kinh kí sự</i> - Lê Hữu Trác : thái độ lên án cuộc sống xa hoa nơi phủ Chúa ; tính chân thực, sinh động trong nghệ thuật miêu tả, kể chuyện. - Nhận biết một vài đặc điểm cơ bản của truyện kí trung đại. <p>- Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm hoặc một đoạn trích truyện kí trung đại theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>Nhận biết nội dung phản ánh và hình tượng nhân vật <i>tôi</i> trong bài kí.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- <i>Truyện hiện đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm hoặc trích đoạn (<i>Hai đứa trẻ</i> - Thạch Lam ; <i>Chữ người tử tù</i> - Nguyễn Tuân ; <i>Số đỏ</i> - Vũ Trọng Phụng ; <i>Chí Phèo</i> - Nam Cao và các bài đọc thêm : <i>Cha con nghĩa nặng</i> - Hồ Biểu Chánh ; "<i>Vi hành</i>" - Nguyễn <input type="checkbox"/>i Quốc ; <i>Tinh thần thể dục</i> - Nguyễn Công Hoan) : sự đa dạng của nội dung và phong cách ; các cảm hứng sáng tác lãng mạn, hiện thực, trào phúng ; ý nghĩa nhân văn ; nghệ thuật tả cảnh, tả người.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm cơ bản của các thể loại : <i>tiểu thuyết, truyện ngắn</i> từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm hoặc một đoạn trích tự sự hiện đại theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Hiểu được đề tài, chủ đề, nội dung cảm hứng, cách xây dựng nhân vật và những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của mỗi tác phẩm.</p> <p>- Bước đầu phân biệt được sự khác nhau giữa truyện ngắn trung đại và hiện đại về đề tài, kết cấu, nghệ thuật thể hiện.</p>
<p>- <i>Truyện nước ngoài</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích <i>Những người khốn khổ</i> - V. Huy-gô và truyện ngắn <i>Người trong bao</i> - A.Sê-khốp : giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo, ý nghĩa phê phán, cách kể chuyện và xây dựng nhân vật, bút pháp lãng mạn và hiện thực.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tiểu thuyết và truyện ngắn.</p>	<p>Nhớ được cốt truyện, đề tài, chủ đề, nhân vật, phát hiện các chi tiết nghệ thuật của tác phẩm hoặc trích đoạn.</p>
<p>- <i>Thơ trung đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ (<i>Tự tình</i> - Hồ Xuân Hương ; <i>Sa hành đoản ca</i> - Cao Bá Quát ; <i>Thu điếu</i> - Nguyễn Khuyến ; <i>Thương vợ</i> - Trần Tế Xương ; các bài đọc thêm : <i>Chạy Tây</i> - Nguyễn Đình Chiểu ; <i>Khóc Dương Khuê</i> - Nguyễn Khuyến ; <i>Vịnh khoa thi Hương</i> - Trần Tế Xương) : những tâm sự về con người và thời thế đậm chất nhân văn ; nghệ thuật xây dựng hình ảnh, thể hiện cảm xúc, sử dụng ngôn ngữ.</p>	<p>- Nhận ra được nội dung cảm xúc, ý nghĩa, tâm trạng của nhân vật trữ tình, phát hiện được các hình ảnh, chi tiết nghệ thuật của mỗi bài thơ.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu một vài đặc điểm cơ bản của thơ trữ tình trung đại Việt Nam. - Biết cách đọc - hiểu tác phẩm thơ trữ tình trung đại theo đặc trưng thể loại. - Biết vận dụng hiểu biết vào việc phân tích thơ trữ tình trung đại khi làm bài nghị luận văn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đặc điểm về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt của thơ trung đại.
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Văn tế trung đại Việt Nam</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> - Nguyễn Đình Chiểu : tinh thần yêu nước thiết tha, vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nông dân nghĩa sĩ ; kết hợp chặt chẽ hiện thực và trữ tình, cách khắc hoạ hình tượng. - Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của bài văn tế. <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách đọc - hiểu một bài văn tế theo đặc trưng thể loại. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm được bố cục của một bài văn tế, nội dung hiện thực và tiếng nói trữ tình trong văn tế.
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Hát nói trung đại Việt Nam</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài hát nói (<i>Bài ca ngất ngưỡng</i> - Nguyễn Công Trứ ; bài đọc thêm : <i>Hương Sơn phong cảnh ca</i> - Chu Mạnh Trinh) : phong cách sống tự tin, giàu bản lĩnh ; những rung động tinh tế trước cảnh đẹp của đất nước ; tính chất phóng túng và bút pháp tả cảnh tài hoa trong cách thể hiện. - Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của bài hát nói. - Biết cách đọc - hiểu một bài hát nói theo đặc trưng thể loại. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm được bố cục của một bài hát nói, nội dung và cách thể hiện tư tưởng tình cảm trong hát nói.
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thơ hiện đại Việt Nam</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ (<i>Xuất dương lưu biệt</i> - Phan Bội Châu ; <i>Hầu Trời</i> - Tản Đà ; <i>Mộ</i> - Hồ Chí Minh ; <i>Từ ấy</i> - Tố Hữu ; <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> - Hàn Mặc Tử ; <i>Vội vàng</i> - Xuân Diệu ; <i>Tràng giang</i> - Huy Cận ; các bài đọc thêm : <i>Lai Tân</i> - Hồ Chí Minh ; <i>Nhớ đồng</i> - Tố Hữu ; <i>Tương tư</i> - Nguyễn Bính ; <i>Chiều xuân</i> - Anh Thơ) : tư tưởng yêu nước, yêu quê hương ; quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh mới mẻ ; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hoá thơ ca về ngôn ngữ, hình ảnh, thể loại,... 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận ra được nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, phát hiện các chi tiết nghệ thuật đặc sắc của mỗi bài thơ.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu một số đặc điểm cơ bản của thơ Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945. - Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại ; biết vận dụng hiểu biết về thơ trữ tình vào bài văn phân tích thơ trữ tình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu nhận biết sự giống và khác nhau giữa thơ trung đại và hiện đại về đề tài, cảm hứng, thể loại và ngôn ngữ.
- <i>Thơ nước ngoài</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Tôi yêu em</i> - A.Pu-skin ; bài đọc thêm <i>Bài thơ số 28</i> - R.Ta-go : ngợi ca tình yêu trong sáng, cao thượng, cách thể hiện cảm xúc độc đáo của hai phong cách thơ. - Biết cách đọc - hiểu một bài thơ dịch. 	
- <i>Kịch hiện đại Việt Nam</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung tư tưởng và nghệ thuật của một trích đoạn kịch <i>Vũ Như Tô</i> - Nguyễn Huy Tưởng : sự cảm thông sâu sắc của tác giả với bi kịch của người nghệ sĩ giàu khát vọng trong xã hội cũ ; cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch. - Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của thể loại kịch. - Biết cách đọc - hiểu một trích đoạn kịch bản văn học. 	Nhận biết một số yếu tố : hành động kịch, xung đột kịch, ngôn ngữ kịch.
- <i>Kịch nước ngoài</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu một số nét chính về giá trị nội dung và nghệ thuật của một đoạn trích trong vở kịch <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> của U. Sếch-xpia : tư tưởng nhân văn ; ngôn ngữ kịch giàu chất thơ. - Biết cách đọc - hiểu một vở kịch nước ngoài. 	
- <i>Nghị luận trung đại Việt Nam</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu một số nét đặc sắc về nội dung tư tưởng và nghệ thuật lập luận của tác phẩm <i>Cầu hiền chiếu</i> - Ngô Thì Nhậm ; bài đọc thêm : trích đoạn trong <i>Tể cấp bát điều</i> - Nguyễn Trường Tộ. - Nhận biết một vài đặc điểm cơ bản của nghị luận trung đại (thể loại <i>chiếu</i>). - Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm hoặc một đoạn trích nghị luận trung đại theo đặc trưng thể loại. 	Hiểu vị trí, ý nghĩa, cách lập luận, ngôn ngữ biểu đạt của bài <i>chiếu, điều trần</i> .

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- <i>Nghị luận hiện đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu ý nghĩa nội dung và nghệ thuật lập luận của các trích đoạn (<i>Bàn về đạo đức Đông Tây</i> - Phan Châu Trinh ; <i>Một thời đại trong thi ca</i> - Hoài Thanh và Hoài Chân ; bài đọc thêm : <i>Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức</i> - Nguyễn An Ninh) : luận điểm mới mẻ, lập luận chặt chẽ, phong cách đa dạng.</p> <p>- Nhận biết một vài đặc điểm cơ bản của văn nghị luận từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu tác phẩm nghị luận theo đặc trưng thể loại ; biết cách vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận để tạo lập văn bản.</p>	<p>- Hiểu vấn đề trọng tâm được đề cập trong mỗi văn bản, cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt.</p> <p>- Bước đầu thấy được sự giống và khác nhau giữa nghị luận trung đại và hiện đại (về đề tài, ngôn ngữ).</p>
<p>- <i>Nghị luận nước ngoài</i></p>	<p>Hiểu được nội dung tư tưởng và nghệ thuật của <i>Bài phát biểu đọc trước mộ Các Mác</i> - Ph. Ăng-ghe-n : những đóng góp to lớn của Mác đã được làm sáng tỏ qua các luận điểm sắc bén, cách lập luận tăng cấp.</p>	
<p>3.2. Lịch sử văn học</p> <p>- <i>Quá trình văn học : Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945</i></p>	<p>- Hiểu quá trình phát triển, đặc điểm cơ bản và thành tựu của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.</p> <p>- Biết vận dụng những hiểu biết trên để đọc - hiểu tác phẩm văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ; để viết bài nghị luận văn học.</p>	<p>Nêu được các đặc điểm và giá trị của giai đoạn văn học, lấy được các ví dụ để minh họa.</p>
<p>- <i>Tác giả văn học</i></p>	<p>- Biết một số nét chính về thời đại, thân thế và sự nghiệp sáng tác của một số tác giả có tác phẩm được học trong chương trình.</p>	<p>- Nắm được những kiến thức về tác giả qua những bài đọc - hiểu và bài khái quát về giai đoạn văn học.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết những nét cơ bản về thời đại, thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu : cuộc đời bất hạnh, nghị lực lớn lao và nhân cách cao cả ; quan niệm đạo đức, tư tưởng nhân nghĩa và tấm lòng yêu nước thương dân ; sắc thái Nam Bộ trong thơ văn. - Biết những nét cơ bản về thời đại, thân thế và sự nghiệp của Nam Cao : cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt để vượt lên chính mình ; những trang viết sâu sắc về con người bằng "đôi mắt" tình thương và niềm cảm phục ; ngòi bút phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, ngôn ngữ và nghệ thuật kể chuyện sinh động. - Biết cách vận dụng những hiểu biết trên để đọc - hiểu tác phẩm và làm bài nghị luận về tác giả văn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu và Nam Cao, minh họa được một số giá trị nội dung và nghệ thuật nổi bật qua những tác phẩm đã học, đã đọc.
<p>3.3. Lí luận văn học - <i>Thể loại</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết một số nét chính về đặc điểm của các thể loại tiêu biểu trong văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 (truyện thơ Nôm, văn tế, văn nghị luận, thơ hát nói, Thơ mới, tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự, kịch,...) ; một số thể loại văn học nước ngoài (truyện, thơ, nghị luận, kịch). - Biết vận dụng kiến thức về thể loại vào việc đọc - hiểu và tạo lập văn bản văn học. - Hiểu đặc điểm chính của các loại thể : tự sự, trữ tình, kịch, nghị luận. - Biết vận dụng kiến thức về thể loại vào việc đọc - hiểu và tạo lập văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm được đặc điểm thể loại qua các bài đọc - hiểu văn bản.
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Một số khái niệm lí luận văn học khác</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu sơ lược một số khái niệm : trào lưu, khuynh hướng, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm được khái niệm qua các bài khái quát, đọc - hiểu văn bản.

LỚP 12

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Tiếng Việt 1.1. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ - Phong cách ngôn ngữ khoa học	- Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học ; biết so sánh, phân biệt phong cách ngôn ngữ khoa học và các phong cách ngôn ngữ khác. - Biết đọc - hiểu và viết một văn bản khoa học phù hợp với đặc điểm phong cách ngôn ngữ khoa học.	Nêu được các đặc điểm, lấy được ví dụ minh họa.
- Phong cách ngôn ngữ hành chính	- Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ hành chính ; biết so sánh, phân biệt phong cách hành chính với các phong cách khác. - Biết vận dụng những hiểu biết về phong cách ngôn ngữ hành chính vào việc tiếp nhận và tạo lập (nói, viết) văn bản hành chính.	Nêu được các đặc điểm, lấy được ví dụ minh họa.
1.2. Hoạt động giao tiếp - Nhân vật giao tiếp	- Hiểu vai trò và ý nghĩa của các nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp. - Biết vận dụng những hiểu biết về nhân vật giao tiếp trong việc nói, viết và đọc - hiểu văn bản.	
1.3. Một số kiến thức khác - Thi luật	- Hiểu các nhân tố chi phối luật thơ tiếng Việt và luật thơ của một số thể thơ tiêu biểu đã học. - Biết vận dụng hiểu biết về thi luật vào việc đọc - hiểu văn bản thơ.	Phân tích được thi luật của một số bài thơ đã học (về vần, nhịp, thanh điệu).

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt</p>	<p>- Hiểu việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là một đòi hỏi của sự phát triển tiếng Việt. - Biết vận dụng những kiến thức về tiếng Việt và sự trong sáng của tiếng Việt để hoàn thiện năng lực nói và viết.</p>	<p>Phân tích được những hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài trong việc sử dụng tiếng Việt hiện nay.</p>
<p>1.4. Củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng đã học</p>	<p>Hoàn thiện những kiến thức và kỹ năng đã học ở Trung học cơ sở về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, các biện pháp tu từ.</p>	<p>Củng cố kiến thức và kỹ năng thông qua thực hành, luyện tập.</p>
<p>2. Làm văn 2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản</p>	<p>- Hoàn thiện kiến thức, kỹ năng tìm ý, lập dàn ý, mở bài, thân bài, kết bài, hành văn trong văn nghị luận. - Biết cách kết hợp các thao tác chứng minh, giải thích, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận,... một cách hợp lý trong việc xây dựng bài văn nghị luận.</p>	
<p>2.2. Các kiểu văn bản - Văn bản nghị luận</p>	<p>- Hoàn thiện kiến thức về các dạng bài nghị luận trong nhà trường phổ thông (nghị luận xã hội và nghị luận văn học). - Hoàn thiện kiến thức và kỹ năng tóm tắt văn bản nghị luận. - Hiểu yêu cầu và cách thức vận dụng tổng hợp các thao tác và các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận :</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> + Chứng minh, giải thích, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận. + Tự sự, biểu cảm, miêu tả, thuyết minh. - Biết vận dụng những kiến thức trên để đọc - hiểu văn bản nghị luận. - Biết vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận và các phương thức biểu đạt để viết bài văn nghị luận. 	<p>Biết viết bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, lối sống, về một hiện tượng trong đời sống ; về một tác phẩm, một ý kiến, nhận định văn học (với độ dài ít nhất 700 chữ trong thời gian 90 phút).</p>
<p>- Một số kiểu văn bản khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu mục đích, nội dung, đặc điểm, yêu cầu và cách thức viết văn bản tổng kết ; biết vận dụng kiến thức để đọc - hiểu, lĩnh hội các văn bản tổng kết trong sách giáo khoa ; biết viết các văn bản tổng kết về những vấn đề gắn với học tập và sinh hoạt của cá nhân, của lớp, trường. - Biết chuẩn bị đề cương để diễn thuyết một vấn đề trước tập thể ; biết phát biểu một vấn đề (theo chủ đề hoặc tự do, ngẫu hứng). 	
<p>3. Văn học 3.1. Văn bản văn học - Truyện hiện đại Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các truyện ngắn và trích đoạn tiểu thuyết hiện đại (<i>Vợ nhặt</i> - Kim Lân ; <i>Vợ chồng A Phủ</i> - Tô Hoài ; <i>Rừng xà nu</i> - Nguyễn Trung Thành ; <i>Những đứa con trong gia đình</i> - Nguyễn Thi ; <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> - Nguyễn Minh Châu ; các bài đọc thêm : <i>Một người Hà Nội</i> - Nguyễn Khải ; <i>Mùa lá rụng trong vườn</i> - Ma Văn Kháng ; <i>Bắt sấu rừng U Minh hạ</i> - Sơn Nam) : vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được cốt truyện, đề tài, nhận ra được khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, hệ thống nhân vật, phát hiện được các chi tiết nghệ thuật đặc sắc của mỗi tác phẩm hoặc đoạn trích.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước ; sự phong phú, đa dạng về đề tài, chủ đề ; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu một số đặc điểm của truyện Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX. - Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam theo đặc trưng thể loại. - Biết vận dụng những hiểu biết trên khi làm bài văn nghị luận văn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu sự phản ánh nhiều mặt của đời sống xã hội trong truyện, sự đa dạng về nghệ thuật kể chuyện và xây dựng nhân vật.
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Kí hiện đại Việt Nam</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các trích đoạn tác phẩm kí (<i>Người lái đò Sông Đà</i> - Nguyễn Tuân ; <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông ?</i> - Hoàng Phủ Ngọc Tường ; bài đọc thêm : <i>Những năm tháng không thể nào quên</i> - Võ Nguyên Giáp) : vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cuộc sống, con người và quê hương qua những trang viết chân thực, đa dạng, hấp dẫn. - Hiểu một số đặc điểm và sự đóng góp của thể loại kí Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX. - Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm kí hiện đại Việt Nam theo đặc trưng thể loại. - Biết vận dụng những hiểu biết trên vào việc làm bài văn nghị luận văn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được đề tài, chủ đề, cảm hứng thẩm mĩ, vẻ đẹp hình tượng, các biện pháp nghệ thuật của các trích đoạn kí. - Hiểu đặc trưng phản ánh hiện thực đời sống của thể loại kí : chân thực, đa dạng, phong phú.
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Truyện hiện đại nước ngoài</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của các trích đoạn truyện ngắn, truyện vừa (<i>Số phận con người</i> - M. Xô-lô-khốp ; <i>Thuốc</i> - Lỗ Tấn ; <i>Ông già và biển cả</i> - E. Hê-ming-uê) : quan niệm về con người, giá trị nhân đạo mới mẻ, những sáng tạo về hình thức. - Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm truyện hiện đại nước ngoài. 	<p>Nắm được cốt truyện, hệ thống nhân vật, chủ đề, bút pháp nghệ thuật của mỗi tác phẩm (hoặc đoạn trích).</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>- <i>Thơ trữ tình Việt Nam và nước ngoài hiện đại</i></p>	<p>- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ hoặc đoạn trích thơ (<i>Tây Tiến</i> - Quang Dũng ; <i>Việt Bắc</i> - Tố Hữu ; <i>Đất Nước</i> - Nguyễn Khoa Điềm ; <i>Sóng</i> - Xuân Quỳnh ; <i>Đàn ghi ta của Lorca</i> - Thanh Thảo ; các bài đọc thêm : <i>Đất nước</i> - Nguyễn Đình Thi ; <i>Tiếng hát con tàu</i> - Chế Lan Viên ; <i>Bác ơi !</i> - Tố Hữu ; <i>Dọn về làng</i> - Nông Quốc Chấn ; <i>Đò Lèn</i> - Nguyễn Duy) : hình ảnh hai cuộc kháng chiến và những tình cảm yêu nước thiết tha, những suy nghĩ và cảm xúc riêng tư trong sáng ; tính dân tộc và những tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh.</p> <p>- Hiểu một số đặc điểm cơ bản của thơ ca Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.</p> <p>- Hiểu một số nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Tự do</i> - P. Ê-luy-a.</p> <p>- Biết cách đọc - hiểu một tác phẩm thơ theo đặc trưng thể loại.</p> <p>- Biết vận dụng kiến thức về thơ trữ tình Việt Nam hiện đại vào bài văn phân tích thơ trữ tình.</p>	<p>- Hiểu được đề tài, chủ đề, khuynh hướng tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ, giọng điệu, tình cảm của nhân vật trữ tình, những sáng tạo đa dạng về ngôn ngữ, hình ảnh của mỗi tác phẩm.</p> <p>- Hiểu được sự gắn bó giữa thơ ca và đời sống cách mạng của dân tộc, cảm hứng sử thi, lãng mạn và thể sự trong thơ.</p>
<p>- <i>Kịch hiện đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của một trích đoạn kịch <i>Hòn Trơng Ba, da hàng thịt</i> - Lưu Quang Vũ : sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng ; đặc sắc về đối thoại, xung đột, ngôn ngữ.</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số đặc điểm của thể loại kịch qua đoạn trích. - Biết vận dụng kiến thức về kịch để đọc - hiểu văn bản kịch. 	<p>Nhận biết về ngôn ngữ nhân vật, cách tổ chức xung đột, hành động kịch,...</p>
<p>- <i>Nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các văn bản nghị luận (<i>Tuyên ngôn Độc lập</i> - Hồ Chí Minh ; <i>Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc</i> - Phạm Văn Đồng ; bài đọc thêm <i>Bàn về thơ</i> - Nguyễn Đình Thi) : các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. - Hiểu nội dung và nghệ thuật lập luận của bài đọc thêm <i>Đốt-xtôi-ép-xki - Tiếng sấm của sự nổi dậy rền vang</i> - S. Xvai-gơ. - Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại. - Biết cách đọc - hiểu một văn bản nghị luận văn học hoặc nghị luận chính trị xã hội. - Biết vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận để làm bài văn nghị luận. 	<p>Hiểu được vấn đề đặt ra trong mỗi tác phẩm, hệ thống luận điểm, cách triển khai lí lẽ và dẫn chứng, ngôn ngữ, giọng điệu.</p>
<p>3.2. Văn bản nhật dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nội dung của một số bài viết về những vấn đề cấp thiết đặt ra trong cuộc sống như : đổi mới tư duy, ứng dụng công nghệ thông tin,... - Biết cách đọc - hiểu văn bản nhật dụng. - Nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với các vấn đề của đời sống xã hội. 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3.3. Lịch sử văn học</p> <p>- <i>Quá trình văn học : Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được bối cảnh và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX. - Hiểu được những thành tựu chính của văn học giai đoạn này và những đóng góp của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu đối với nền văn học và với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. - Biết vận dụng những hiểu biết trên để đọc - hiểu các tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX ; để làm bài văn nghị luận văn học. 	<p>Trình bày được các đặc điểm và giá trị của giai đoạn văn học, lấy được các ví dụ để minh họa.</p>
<p>- <i>Tác giả văn học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết một số nét chính về thời đại, thân thế và sự nghiệp sáng tác của một số tác giả được học trong chương trình. - Biết những nét cơ bản về thời đại, thân thế và sự nghiệp của Nguyễn <input type="checkbox"/>i Quốc - Hồ Chí Minh : cuộc đời gắn liền với trang sử oai hùng của dân tộc ; sự nghiệp văn học phục vụ đặc lực cho sự nghiệp cách mạng ; một phong cách đa dạng, phong phú. - Biết những nét cơ bản về thời đại, thân thế và sự nghiệp của Tố Hữu : con người chính trị và con người thơ ca thống nhất ; niềm say mê lí tưởng cách mạng và tình cảm thuỷ chung, son sắt với đất nước, nhân dân, lãnh tụ ; cây bút trữ tình - chính trị đậm đà bản sắc dân tộc. - Biết vận dụng kiến thức trên để đọc - hiểu và làm bài nghị luận về tác giả văn học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những kiến thức về tác giả qua những bài đọc - hiểu văn bản và bài khái quát về giai đoạn văn học. - Trình bày được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn <input type="checkbox"/>i Quốc - Hồ Chí Minh và Tố Hữu, minh họa được một số giá trị nội dung và nghệ thuật nổi bật qua những tác phẩm đã học, đã đọc.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3.4. Lí luận văn học - Thể loại	- Biết một số nét chính về đặc điểm của các thể loại tiêu biểu trong văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX : văn nghị luận, thơ, truyện, kịch, kí ; một số thể loại văn học nước ngoài (truyện, thơ, nghị luận). - Biết vận dụng những kiến thức trên vào việc đọc - hiểu và tạo lập văn bản.	Nắm được đặc điểm thể loại qua các bài đọc - hiểu văn bản.
- Một số khái niệm lí luận văn học	- Hiểu nội dung cơ bản của một số vấn đề lí luận văn học : quá trình văn học, phong cách văn học, giá trị văn học, tiếp nhận văn học. - Biết vận dụng những hiểu biết trên để đọc - hiểu và tạo lập văn bản.	

IV – GIẢI THÍCH – HƯỚNG DẪN

1. Cấu trúc nội dung học tập

Mục tiêu của môn Ngữ văn ở Trung học phổ thông chủ yếu là nâng cao năng lực đọc - hiểu văn bản và làm văn, cung cấp một số tri thức phổ thông về lí luận và lịch sử văn học ; trang bị một số kiến thức về nguồn gốc và loại hình tiếng Việt, về giao tiếp và phong cách học.

Chương trình được xây dựng theo nguyên tắc tích hợp trên hai trục *đọc văn* và *làm văn*. Trong trục *đọc văn* có sự tích hợp giữa tri thức lí luận văn học với tri thức lịch sử văn học và văn hoá dân tộc. Trong trục *làm văn* có sự tích hợp kĩ năng tạo lập văn bản với kĩ năng tư duy (quan sát, phân tích, liên tưởng, so sánh, tổng hợp,...) và các tri thức đời sống.

Trong phần *Văn học*, các văn bản dùng để đọc văn được sắp xếp theo giai đoạn văn học. Trong từng giai đoạn, các văn bản này lại được xếp theo cụm thể loại (truyện, kí, thơ, phú, ngâm khúc, văn tế, kịch, nghị luận).

Phần *Tiếng Việt* được bố trí thành ba cụm nội dung : các phong cách ngôn ngữ, hoạt động giao tiếp, những vấn đề chung về tiếng Việt.

Phần *Làm văn* không lặp lại kiến thức về kiểu văn bản và phương thức biểu đạt ở Trung học cơ sở mà cung cấp các kiến thức về tìm ý, lập dàn ý, phép suy luận, cách tạo lập đoạn văn và văn bản. Về kĩ năng tạo lập các kiểu văn bản, chương trình ôn luyện các kiểu bài đã học ở Trung học cơ sở, đặc biệt chú trọng viết kiểu bài nghị luận (gồm cả nghị luận xã hội và nghị luận văn học). Riêng về tạo lập văn bản dạng nói, chương trình chủ yếu đề cập đến nội dung luyện tập phát biểu ý kiến cá nhân trong nhiều tình huống giao tiếp thường gặp (thuyết trình, tranh luận, phát biểu theo chủ đề và phát biểu tự do,...).

2. Về phương pháp dạy học

Để thực hiện tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập, chương trình coi trọng các phương pháp tổ chức hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng bộ môn, với độ tuổi của học sinh. Ở Trung học phổ thông, ngoài những hoạt động đã thực hiện ở cấp Trung học cơ sở, hoạt động học tập mang tính nghiên cứu bước đầu được vận dụng nhằm phát triển năng lực tự học và tư duy sáng tạo của học sinh. Học sinh Trung học phổ thông sẽ được hướng dẫn tự nghiên cứu sách giáo khoa và các tài liệu khác, sưu tầm tư liệu, thuyết trình, thảo luận về nội dung học tập.

Chương trình coi trọng cả ba hình thức tổ chức học tập : học theo lớp, học theo nhóm, học cá nhân. Hình thức học theo nhóm tạo nhiều điều kiện cho học sinh hợp tác, học hỏi nhau trong quá trình tìm hiểu, vận dụng kiến thức và rèn luyện kĩ năng.

Khi sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, cần tránh khuynh hướng tuyệt đối hoá một vài phương pháp hoặc một hình thức tổ chức dạy học. Cần vận dụng linh hoạt một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong mỗi bài học để khơi dậy được niềm hứng thú học tập ở học sinh.

Việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn đi đôi với đổi mới phương tiện, thiết bị dạy học. Các phương tiện và thiết bị phục vụ cho môn Ngữ văn bao gồm : vở bài tập, sách công cụ, tranh ảnh, các đồ dùng học tập khác (được cung cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc do học sinh và giáo viên tự làm),... Trong số các phương tiện, thiết bị học tập Ngữ văn, máy vi tính là một phương tiện giúp học sinh có điều kiện tiếp cận với công nghệ thông tin để tự học.

3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Có hai phương thức cơ bản để đánh giá kết quả học tập Ngữ văn của học sinh : *một là* đánh giá thường xuyên, được thực hiện trong từng bài học, từng chương hoặc từng phần ; *hai là* đánh giá định kì, được thực hiện vào giữa học kì, cuối học kì, cuối năm học, cấp học.

Việc đánh giá chất lượng học tập Ngữ văn của học sinh căn cứ trên chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình môn học. Việc đánh giá thái độ của học sinh được kết hợp trong đánh giá kiến thức và kỹ năng. Dựa trên chuẩn, các nội dung đánh giá được xác định và chuyển thành đề kiểm tra thường xuyên và định kì, trong đó có những phần đánh giá về kiến thức Tiếng Việt, Văn học và Làm văn, có những phần đánh giá về kỹ năng đọc, viết, nghe, nói, phân tích và cảm thụ văn học.

Định hướng đổi mới cách đánh giá thể hiện trên ba phương diện chính :

- Đổi mới mục đích đánh giá. Theo định hướng này, việc đánh giá kết quả học tập Ngữ văn không chỉ nhằm phân loại học lực của học sinh mà còn nhằm cung cấp thông tin phản hồi về quá trình dạy học để giáo viên, các cán bộ quản lý giáo dục điều chỉnh nội dung chương trình và sách giáo khoa, thiết bị dạy học, phương pháp dạy học,...

- Đa dạng hoá công cụ đánh giá. Theo định hướng này, chương trình kết hợp các biện pháp đánh giá bằng bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan và bằng quan sát của giáo viên, nhằm đảm bảo độ chính xác, tin cậy của hoạt động đánh giá.

- Đổi mới chủ thể đánh giá. Chủ thể đánh giá không chỉ là giáo viên mà còn là học sinh. Học sinh tự đánh giá kết quả học tập của mình, của bạn để hoàn thành một chu trình học tập mang tính tự học. Giáo viên giúp học sinh hiểu tiêu chuẩn đánh giá để có thể tự đánh giá.

Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện sau mỗi bài học, phần học bằng kiểm tra vấn đáp hoặc kiểm tra viết do giáo viên trực tiếp thực hiện trong giờ học ở tất cả các lớp.

Việc đánh giá theo quy định chung được tiến hành như sau : Trong mỗi năm học, học sinh phải viết ít nhất 7 bài kiểm tra 1 tiết hoặc hơn 1 tiết, cụ thể là : 5 bài kiểm tra Làm văn, 2 bài kiểm tra tổng hợp các kiến thức và kỹ năng về Tiếng Việt, Làm văn và Văn học (mỗi học kì có 1 bài kiểm tra tổng hợp).

4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

Chương trình này được sử dụng thống nhất trong cả nước. Tuy nhiên, các trường và các địa phương có thể vận dụng chương trình cho phù hợp với đặc điểm của trường, của vùng miền, phù hợp với từng đối tượng học sinh theo sự hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh khuyết tật sẽ được học theo các tài liệu riêng, biên soạn căn cứ trên chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình này.

Học sinh có năng lực đặc biệt về Ngữ văn, bên cạnh việc học theo chương trình này, còn được hướng dẫn học theo những tài liệu bồi dưỡng năng lực Ngữ văn (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để tạo điều kiện cho các em vừa đạt yêu cầu của chương trình, vừa được phát triển khả năng của cá nhân.